

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-PT

Ngày: 28 – 02 – 2024

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Bích Th, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp 19, xã Phong Th, thị xã GR, tỉnh BL.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U (Tur H), sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp 19, xã Phong Th, thị xã GR, tỉnh BL.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Minh H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp 19, xã Phong Th, thị xã GR, tỉnh BL.

- Người kháng cáo: Bà Ngô Bích Th là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Bích Th trình bày: Giữa bà Ngô Bích Th và bà Nguyễn Thị U có thỏa thuận giao dịch cụ thể như sau:

- Số tiền bà Th nợ bà U, cụ thể:

+ Vào ngày 18 tháng 9 năm 2020, bà Th có vay tiền của bà Nguyễn Thị U (Tư Hữu), số tiền 20.000.000đ, lãi 04 phân, mỗi tháng đóng cho bà U là 800.000đ, không đủ tháng thì tính lãi 6 phân, một ngày 40.000đ. Bà Th có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhớ số thửa số tờ, nhờ ở chợ 19, ấp 19, xã Phong Th, thị xã GR, tỉnh BL. Bà U ghi tiền lãi một tháng, mười ngày là 1.060.000đ.

+ Vào ngày 15 tháng 10 năm 2020, bà Th có vay của bà U số tiền 5.000.000đ, ông Tô Minh H là chồng của bà U đưa, lãi một ngày là 10.000đ. Bà Th trả cho bà U được một tháng 280.000đ.

+ Vào ngày 20 tháng 10 năm 2020, bà Th vay bà U 5.000.000đ, bà U đưa tiền, một ngày lãi 10.000đ, chưa trả lãi. Bà U ghi lãi một tháng, bảy ngày là 250.000đ, bà Th chưa trả lãi.

+ Vào ngày 23 tháng 10 năm 2020, bà Th vay của bà U 19.000.000đ, lãi bà U tự tính một tháng, năm ngày là 860.000đ, chưa trả lãi, tới ngày trả vốn thì bà Th trả lãi luôn.

+ Vào ngày 09 tháng 11 năm 2020, bà Th vay của bà U số tiền 18.000.000đ, lãi một tháng 8 ngày 436.000đ, đây là biên nhận bà U ghi nhưng bà Th không có thiếu.

+ Vào ngày 14 tháng 11 năm 2020, bà Th vay bà U số tiền 20.000.000đ, lãi một ngày 40.000đ, chưa đóng lãi. Trong giấy nợ bà U ghi số tiền 13 ngày 345.000đ. Bà Th chưa trả lãi, khi trả vốn mới tính vô.

+ Vào ngày 22/11/2020, bà Th vay bà U 10.000.000đ, lãi ngày 20.000đ, lãi sáu phân, trong giấy bà U ghi 5 ngày 100.000đ, chưa trả lãi, khi trả vốn thì trả lãi luôn.

+ Vào ngày 24 tháng 11 năm 2020, bà Th vay bà U 20.000.000đ, tiền lãi ngày 40.000đ, trong giấy bà U ghi bốn ngày 160.000đ, chưa trả lãi trả vốn thì trả lãi luôn.

Như vậy, theo bà Th trình bày tổng số tiền vay vốn bà Th nợ bà U là 117.000.000đ, lãi theo giấy là 3.475.000đ, lãi bên ngoài là 4.500.000đ.

- Số tiền bà Th trả cho bà U cụ thể:

+ Ngày 28/9/2020, bà Th trả cho bà U số tiền 20.000.000đ, đóng lãi 360.000đ, tổng cộng là 20.360.000đ (Có biên nhận, có ghi tiền vốn nhưng tiền lãi không có ghi).

+ Ngày 16/10/2020, bà Th trả cho bà U số tiền 15.000.000đ, đóng lãi 280.000đ, tổng cộng là 15.280.000đ (Có ghi biên nhận, ghi tiền vốn nhưng tiền lãi không ghi).

+ Ngày 02/11/2020, bà Th trả bà U 18.000.000đ, lãi 340.000đ, tổng cộng là 18.340.000đ (Có ghi biên nhận tiền vốn nhưng lãi không có ghi).

+ Ngày 28/11/2020: Bà Th trả cho bà vợ chồng bà U, ông H là 100.000.000đ, ông H đếm tiền, bà U ghi biên nhận, bà Th không có đóng lãi (Có ghi biên nhận).

+ Ngày 30/11/2020: Bà Th trả bà U 17.000.000đ, đóng lãi 4.500.000đ. Như vậy bà Th trả cho bà U thêm 17.000.000đ và đóng lãi thêm 4.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bà Th trả cho bà U, ông H là 174.500.000đ.

- Số tiền bà Th trả dư cho bà U là 57.500.000đ, nhưng bà Th không tính tiền lãi nên số tiền bà Th trả dư cho bà U, ông H là 53.000.000đ.

Các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 24/11/2020, biên nhận ngày 14/11/2020 và biên nhận ghi nhiều ngày 10/10/2020, 20/10/2020, 18/9/2020 và ngày 28/9/2020 đó là những biên nhận trên bà H giữ khi trả tiền xong ngày 30/11/2020 bà H mới đưa biên nhận lại, chữ viết trong các tờ biên nhận là của bà Th ghi cho bà U giữ. Biên nhận ngày 18/9/2020 bà U tính tiền cho bà Th chữ viết trong tờ biên nhận là do bà U ghi.

Biên nhận ngày 28/11/2020 al, các chữ phía trên là do bà U ghi, chữ nhỏ là do bà U đọc cho bà Th ghi và bà U ghi tên Tư H có nhận.

Bà Th trình bày trong các tờ biên nhận trên của bà U là theo tờ biên nhận ngày 28/11/2020 nội dung “Cô Thủy có trả 100.000 triệu” và chữ “Tư hữu có nhận” là chữ viết của bà U. Theo tờ biên nhận ngày 18/9/2020, các chữ viết trong tờ biên nhận trên là của bà Nguyễn Thị U, trừ chữ viết “đóng lãi lần 200.000, đóng lãi lần 800.000, Thủy trả chị Tư Hữu tổng số tiền 167 triệu” là chị viết của bà Ngô Bích Th. Các chữ viết trên trong các tờ biên nhận ngày 18/9/2020 và 28/11/2020 là của bà Nguyễn Thị U nên bà Th không yêu cầu giám định, Tòa án giải quyết vụ án thì có thẩm quyền đi giám định, vì bà Th cho rằng các giấy tờ bà cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà U nên bà không yêu cầu giám định chữ viết của bà U.

Vì vậy, bà Ngô Bích Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U và ông Tô Minh H trả số tiền bà trả dư là 53.000.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Minh H: Từ khi Tòa án thụ lý có triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà U và

ông H không đến làm việc. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà U và ông H theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, Bản án số 97/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích Th đối với bà Nguyễn Thị U về tranh chấp đòi lại tài sản, về việc bà Ngô Bích Th yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả số tiền 53.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bà Ngô Bích Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án vụ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Ngô Bích Th gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Ngô Bích Th yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà; thấy rằng:

[2.1] Theo lời trình bày của bà Ngô Bích Th: Từ năm 2020, bà Ngô Bích Th và bà Nguyễn Thị U (Tur Hữu) có thỏa thuận giao dịch vay tiền với nhau nhiều lần, số tiền bà Th vay bà U là 117.000.000đ, số tiền bà Th đã trả cho bà U nhiều lần là 174.500.000đ (Trong đó có số tiền lãi là 4.500.000đ). Bà Th cho rằng số tiền bà Th đã trả dư cho bà U là 53.000.000đ. Nên bà Ngô Bích Th khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả số tiền dư là 53.000.000đ.

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Th cung cấp cho Tòa án các tờ giấy có nội dung vay tiền, biên nhận vay tiền cũng như trả nợ, cùng với một số người biết việc bà Th có trả dư tiền cho bà U như bà Nguyễn Thị Trọng, bà Nguyễn Thùy Linh, ông Nguyễn Quốc Vũ. Qua lời trình bày của bà Th và các tài liệu chứng cứ thu thập được thì giao dịch nợ tiền giữa bà Th và bà U có xảy ra trên thực tế, chứng minh qua việc bà Th có đến nhà bà U thực hiện giao dịch và một số người biết là bà Nguyễn Thị Trọng, bà Nguyễn Thùy Linh, ông Nguyễn Quốc Vũ. Tuy nhiên, nội dung giao dịch cụ thể như thế nào thì họ không rõ.

[2.3] Xét các tài liệu, chứng cứ bà Th đã cung cấp cho Tòa án, là những tờ biên nhận, không cụ thể, không rõ ràng, trong khi đó bị đơn không thừa nhận, không cung cấp lời khai. Ngoài ra, Tòa án có tiến hành xác minh nhân chứng là ông Ngô Quốc V và bà Nguyễn Thị L những người này cũng nghe bà Th nói trả nợ cho bà U dư tiền, không trực tiếp chứng kiến và số tiền trả dư mà ông V và bà L trình bày cũng không giống nhau. Đối với các tờ biên nhận, nội dung ghi không cụ thể, rõ ràng, có ghi số tiền bà Th nợ và số tiền trả, các dòng chữ ghi trong biên nhận theo bà Th xác định có chữ của bà Th và chữ của bà U nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bà giám định chữ viết trong biên nhận có phải của bà U thì bà Th từ chối không yêu cầu giám định, bà Th khẳng định các giấy tờ bà cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà U.

[2.4] Nhận thấy, các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập và bà Ngô Bích Th cung cấp không đủ cơ sở để xác định giữa bà Ngô Bích Th và bà Nguyễn Thị U có xảy ra sự việc trả tiền có dư như bà Th yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích Th đối với bà Nguyễn Thị U, đối với số tiền là 53.000.000đ là đúng quy định pháp luật.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Bích Th, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án số 97/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bà Ngô Bích Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Bích Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Bích Th yêu cầu bà Nguyễn Thị U trả số tiền 53.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Ngô Bích Th là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên bà Ngô Bích Th thuộc trường hợp được miễn án phí. Đối với số tiền bà Th nộp tạm ứng án phí 1.325.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014801 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

3. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 97/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Anh